

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994	4,40	2,10	2,80	
2	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	5,20	3,40	3,90	
3	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	3,40	4,20	4,00	
4	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994	4,00	3,00	3,30	
5	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994	4,30	4,40	4,40	
6	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	7,90	5,80	6,40	
7	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	4,00	,00	1,20	CT
8	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	5,80	3,30	4,10	
9	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	5,20	7,20	6,60	
10	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995	7,30	4,60	5,40	
11	Trịnh Viết	Động	3771020411	08/11/1993	4,50	6,30	5,80	
12	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	4,50	3,90	4,10	
13	Nguyễn Phúc	Lộc	3771020425	05/01/1994	,00	,00	,00	CT
14	Hồ Văn	Quyền	3771020428	28/05/1995	4,20	,00	1,30	
15	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	3,60	5,20	4,70	
16	Nguyễn Tôn Bảo	Trình	3771020451	21/07/1995	,00	,00	,00	CT
17	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994	1,20	,00	,40	
18	Trần Đức	Thuận	3771020479	24/04/1995	4,40	4,90	4,80	
19	Hồ Quốc	Chí	3771020485	09/09/1994	4,70	4,50	4,60	
20	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	6,50	4,90	5,40	
21	Nguyễn Hoàng	Huy	3771020495	18/02/1993	,00	,00	,00	CT
22	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	4,20	2,90	3,30	
23	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995	3,90	2,10	2,60	
24	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	3,40	4,00	3,80	
25	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	5,90	5,00	5,30	
26	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	7,60	7,70	7,70	
27	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	4,60	2,70	3,30	
28	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995	3,60	2,20	2,60	
29	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	6,10	5,00	5,30	
30	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	3,80	2,20	2,70	
31	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995	3,10	5,50	4,80	
32	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995	5,20	5,00	5,10	
33	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	3,50	3,50	3,50	
34	Nguyễn Văn Thái	Duy	3771020572	22/12/1995	,00	,00	,00	CT
35	Nguyễn Đức	Anh	3771020583	26/02/1994	5,00	3,10	3,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	3,20	4,00	3,80	
37	Diệp Từ	Huân	3771020591	28/11/1995	,00	,00	,00	CT
38	Nguyễn Bình	Nghinh	3771020595	08/09/1993	,00	,00	,00	CT
39	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995	5,90	4,30	4,80	
40	Nguyễn Văn	Hạnh	3771020603	10/08/1991	5,30	6,80	6,40	
41	Nguyễn Thanh	Bình	3771020606	02/04/1993	5,50	7,90	7,20	
42	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	1,40	2,30	2,00	
43	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995	4,30	4,90	4,70	
44	Lê Ngọc	Hải	3771021073	28/08/1995	5,10	,00	1,50	CT
45	Trần Thế	Phúc	3771021083	01/04/1995	4,20	3,90	4,00	
46	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	3,90	4,10	4,00	
47	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	6,30	6,20	6,20	
48	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	7,10	6,60	6,80	
49	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	5,60	3,50	4,10	
50	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995	3,40	1,90	2,40	
51	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995	6,20	4,70	5,20	
52	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994	7,00	3,80	4,80	
53	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	3,30	3,80	3,70	
54	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	5,20	3,30	3,90	
55	Nguyễn Thanh	Quý	3771050208	06/09/1994	5,20	4,30	4,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)